

THỰC TRẠNG KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỰC TRẠNG THỂ LỰC CỦA SINH VIÊN KHỐI SƯ PHẠM TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

ThS. Dương Xuân Lượng¹

Tóm tắt: Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn, cùng với các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực Thể dục thể thao (TDTT), chúng tôi đã tiến hành đánh giá: Thực trạng kết quả học tập môn học Giáo dục thể chất (GDTC) và thực trạng thể lực của sinh viên khối sư phạm Trường Đại học Tây Bắc (ĐHTB). Làm cơ sở nghiên cứu phát triển trò chơi vận động dân gian và thể thao dân tộc cho sinh viên khối sư phạm trường Đại học Tây Bắc

Từ khóa: kết quả học tập, môn học Giáo dục thể chất, thể lực, của sinh viên khối sư phạm Trường Đại học Tây Bắc

Abstract: Based on theory and practice, along with basic scientific research methods in the field of Physical Education and Sports, we have assessed: Actual situation of learning outcomes in Education subject. physical education and physical status of students in the pedagogical block of Northwestern University (UEB). To serve as a basis for research and development of folk games and national sports for students of the pedagogical block of Northwestern University

Keywords: academic results, physical education subjects, physical strength, of pedagogical students at Northwestern University

1. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Văn hóa dân gian đặc trưng là trò chơi dân gian vùng Tây Bắc được hiện hữu trong đời sống của đồng bào vùng cao rất tự nhiên, giản dị mà vẫn có những nét riêng độc đáo. Những trò chơi dân gian vùng Tây Bắc không chỉ mang tính giải trí lành mạnh, rèn luyện thể lực, mà còn kích thích trí thông minh của người chơi. Có những trò chơi đạt tới trình độ nghệ thuật, mang tính thẩm mỹ cao. Thông qua các trò chơi dân gian, mọi người cũng có thể hiểu hơn về cuộc sống sinh hoạt đặc sắc, tiêu biểu nhất của chính địa phương mình sinh sống cũng như trong từng dân tộc. Trò chơi dân gian là một mảng quan trọng trong di sản văn hóa phi vật thể đồng bào các dân tộc thiểu số. Đây là tri thức bản địa tồn tại dưới dạng các trò chơi dân gian, ngoài mục đích chính là giải trí còn có mục đích rèn luyện thể lực, rèn luyện trí óc, giáo dục con người; đồng thời nó phản ánh đời sống, sinh hoạt, sản xuất, quan hệ giữa con người với con người và với thiên nhiên.

Vì vậy, ngoài hoạt động giải trí lành mạnh, thì trò chơi dân gian vùng Tây Bắc rèn luyện thể lực, cũng đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo sức khỏe và tinh thần và nâng cao thể lực cho người chơi. Ngoài tác dụng giải trí lành mạnh, nâng cao sức khỏe, trò chơi dân gian vùng Tây Bắc còn là một kênh rất hữu hiệu để gắn kết cộng đồng, xây dựng bầu không khí tích cực, thúc đẩy sự phát triển thể chất cho người chơi. Tuy nhiên, những nghiên cứu về trò chơi dân gian vùng Tây Bắc Việt Nam hiện vẫn còn khá hạn chế, chưa toàn diện.

Đề định hướng nghiên cứu phát triển trò chơi vận động dân gian và thể thao dân tộc cho SV khối sư phạm trường ĐHTB. Chúng tôi tiến hành đánh giá: Thực trạng thể lực SV khối sư phạm Trường ĐHTB.

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn, tọa đàm; quan sát sư phạm và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Xác định các yếu tố đánh giá thực trạng công tác GDTC và thể thao của Trường ĐHTB

Chúng tôi tiến hành xác định các yếu tố đánh giá thực trạng GDTC và thể thao của Trường ĐHTB, theo lộ trình 3 bước:

Bước 1: Tổng hợp các tiêu chí đánh giá GDTC và thể thao trường học từ các công trình nghiên cứu liên quan: Đề có cơ sở xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC và thể thao của trường ĐHTB đề tài tiến hành tổng hợp từ các đề tài luận án liên quan. Cho phép rút ra 12 tiêu chí đánh giá thực trạng GDTC và thể thao của Trường ĐHTB gồm: Sự quan tâm của các cấp có thẩm quyền; Chương trình GDTC nội khóa; Chất lượng và hiệu quả môn học GDTC; Tỷ lệ SV tập ngoại khóa TDTT thường xuyên; Tỷ lệ SV đạt chuẩn thể lực; Hình thức tổ chức ngoại khóa TDTT; Những nội dung được sử dụng trong ngoại khóa TDTT; Chất lượng ngoại khóa TDTT; Đặc điểm phát triển thể chất SV; Đội ngũ giảng viên; Cộng tác viên TDTT và Các điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất;

Bước 2: Trưng cầu ý kiến của 23 chuyên gia

để lựa chọn các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC và thể thao của Trường ĐHTB; với phiếu hỏi thiết kế 5 bậc; qua xử lý theo thang đo Likert kết quả đã lựa chọn được 10/12 tiêu chí đạt điểm ở mức cần thiết trở lên (3,41 điểm). Tiêu chí 3 và 4 do có điểm ít hơn nên bị loại;

Bước 3: Kiểm định độ tin cậy các tiêu chí bằng thang đo Cronbach' Alpha; khẳng định các tiêu chí đánh giá thực trạng công tác GDTC và thể thao của trường ĐHTB, đủ độ tin cậy cần thiết; Kết quả được trình bày tại bảng 1 và bảng 2.

Thông qua bảng 1 cho thấy: Ý kiến tư vấn chuyên gia là giảng viên tán thành cao các tiêu chí đánh giá thực trạng GDTC và thể thao trường học của Trường ĐHTB là TC1,2,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (từ 3.43 đến 3.65). và loại tiêu chí 3 và 4, có số ý kiến tán thành thấp (2.78-2.96), vì Nhà trường hiện chưa có chương trình dạy học GDTC nâng cao và chương trình dành cho SV sức khỏe yếu. Đồng thời sử dụng chỉ số Cronbach Alpha, chúng tôi đã lựa chọn được 10 yếu tố đánh giá thực trạng công tác GDTC và thể thao trường học cho SV khối sư phạm Trường ĐHTB đủ độ tin cậy cần thiết (từ 0.7-0.8) bao gồm:

1/ Sự quan tâm của lãnh đạo Trường và hệ thống chính trị;

2/ Chương trình GDTC cơ bản;

3/ Tỷ lệ SV tập luyện TDTT ngoại khóa

4/ Hình thức và nội dung tổ chức thể thao Trường học;

5/ Thái độ của SV đối với TDTT

6/ Động cơ và nhu cầu

7/ Kết quả môn học GDTC

8/ Sự phát triển thể lực của SV

9/ Đội ngũ GV, CTV TDTT

10/ Các điều kiện về cơ sở vật chất. Trong phạm vi bài viết chúng tôi tiến hành đánh giá tiêu chí 7: Kết quả môn học GDTC và tiêu chí 8: Sự phát triển thể lực của SV

2.2. Thực trạng kết quả học tập môn học GDTC (Tín chỉ 1) và thực trạng thể lực của SV khối sư phạm Trường ĐHTB

Thực trạng kết quả học lực môn học GDTC của SV Khối sư phạm (Tín chỉ 1) Trường Đại học Bắc, trình bày ở bảng 2, 3 và 4.

Qua kết quả ở bảng 2 cho thấy:

Khối sư phạm Mầm non: 31/101SV (30.79%) đạt khá giỏi; 59/101SV (58.42%) đạt trung bình; 11/101SV (10.94%) đạt yếu. Số SV đạt trung tuy có cao hơn nhưng chỉ là ngẫu nhiên mà thôi ($P>0.05$)

Khối sư phạm Tiểu học: 35/158SV (22.16%) đạt khá giỏi; 104/158SV (65.83%) đạt trung bình; 19/158 SV (12.03%) đạt yếu. Ở khối này, số SV có kết quả học tập trung bình hoàn toàn chiếm ưu thế ($P<0.001$)

Bảng 1. Kết quả lựa chọn các yếu tố đánh giá thực trạng công tác GDTC và thể thao trường học cho SV khối sư phạm Trường ĐHTB (n=23)

TT	Yếu tố	Mức độ					Trung bình	Độ lệch
		Rất không cần thiết (1 điểm)	Không cần thiết (2 điểm)	Không ý kiến (3 điểm)	Cần thiết (4 điểm)	Rất cần thiết (5 điểm)		
1	Sự quan tâm của Lãnh đạo nhà trường và hệ thống chính trị	0	4	9	4	6	3.52	0.14
2	Chương trình GDTC cơ bản	1	1	10	6	5	3.57	0.16
3	Chương trình GDTC nâng cao	3	6	9	3	2	2.78	0.13
4	Chương trình GDTC cho SV sức khỏe yếu	4	3	7	8	1	2.96	0.13
5	Tỷ lệ SV tập luyện TDTT ngoại khóa thường xuyên	1	1	10	5	6	3.61	0.16
6	Hình thức và nội dung tổ chức thể thao trường học	0	1	13	2	7	3.65	0.24
7	Thái độ của SV đối với TDTT	0	2	11	3	7	3.65	0.19
8	Động cơ và nhu cầu luyện tập TDTT của SV	0	2	8	6	7	3.78	0.15
9	Kết quả môn học GDTC	0	2	8	4	9	3.87	0.17
10	Sự phát triển thể lực SV	0	4	10	4	5	3.43	0.16
11	Đội ngũ giảng viên, cộng tác viên TDTT	1	3	8	6	5	3.48	0.12
12	Các điều kiện về cơ sở vật chất	0	2	10	6	5	3.61	0.17

Bảng 2. Kết quả khảo sát kết quả học môn học GDTC của SV khối sư phạm Trường ĐHTB (n = 338)

TT	Khối sư phạm	Số lượng (SV)	Tỷ lệ (%)	X ²
Khối sư phạm Mầm non (n=101)				
1	Giỏi	12	11.89	2.50
2	Khá	19	18.82	
3	Trung bình	59	58.42	
4	Yếu	11	10.94	
5	Kém	0	0	
Khối sư phạm Tiểu học (n= 158)				
1	Giỏi	14	8.86	15.82
2	Khá	21	13.30	
3	Trung bình	104	65.83	
4	Yếu	19	12.03	
5	Kém	0	0	
Khối sư phạm khác (79)				
1	Giỏi	9	11.40	1.25
2	Khá	13	16.46	
3	Trung bình	45	56.97	
4	Yếu	12	15.19	
5	Kém	0	9	
Tổng cộng (n=338)				
1	Giỏi	35	10.36	18.0
2	Khá	53	15.68	
3	Trung bình	208	61.54	
4	Yếu	42	12.43	
5	Kém	0	0	

Khối sư phạm khác: 22/79 SV (27.85%) đạt khá giỏi; 45/79 SV (56.97%) đạt trung bình; 12/79 SV (15.19%) đạt yếu. Ở khối này SV có kết quả học tập trung bình có cao hơn nhưng không có ý nghĩa thống kê.

Tổng hợp toàn khối sư phạm: 88/338SV (26.04%) đạt khá giỏi; 208/338SV (62.54%) đạt trung bình; 42/338 SV (12.43%) đạt yếu. Như vậy nếu xét toàn cục kết quả học tập ở mức trung bình là chính (P<0.001)

Thực trạng thể lực SV khối sư phạm Trường ĐHTB so với Chuẩn thể lực QĐ 53/2008/ BGDĐT, theo từng chỉ tiêu và tổng hợp (toàn diện) qua khảo sát 338 SV khối sư phạm (66 nam; 272 nữ); thông qua 4/6 test quy định, được trình bày ở bảng 3 và 4

Qua bảng 4 cho thấy: Thực trạng các thông số thể lực SV khối sư phạm (độ tuổi 19), với mức đạt như sau:

- Đối với SV nam: Test nằm ngửa gập bụng

(số lần /30 giây), trung bình 22.31±3.64 lần, tương đương chuẩn ≥22 lần; Test bật xa tại chỗ (cm) trung bình 225±26.18cm, kém hơn chuẩn là 225cm; Test chạy con thoi 4x10m (giây) trung bình 11.06±1.30giây tương đương chuẩn ≤11.75giây; Test chạy tùy sức 5 phút trung bình 955.0±138.6m, kém hơn chuẩn ≥950m.

- Đối với SV nữ: Test nằm ngửa gập bụng (số lần /30 giây), trung bình 16.57±4.61lần, kém hơn chuẩn ≥16 lần; Test bật xa tại chỗ (cm) trung bình 161.3±19.0cm, hơn chuẩn là ≥ 153cm; Test chạy con thoi 4x10m (giây) trung bình 12.62±1.62giây tương đương chuẩn ≤13.0giây; Test chạy tùy sức 5 phút trung bình 871.9±159m, kém hơn chuẩn ≥870m.

3. KẾT LUẬN

- Thực trạng kết quả học tập môn học GDTC của SV khối sư phạm Trường ĐHTB, cho thấy: 88/338SV (26.04%) đạt khá giỏi; 208/338SV

Bảng 3. Thực trạng thể lực SV khối sư phạm Trường ĐHTB so với Chuẩn thể lực QĐ 53/2008/BGDĐT (n=338)

TT	Test	Thông số		Chuẩn thể lực (mức đạt 19 tuổi)
		\bar{X}	δ	
Nam (n=66)				
1	Nằm ngửa gập bụng (số lần/30 giây)	22.31	3.64	≥ 22
2	Bật xa tại chỗ (cm)	225.5	26.18	≥ 225
3	Chạy con thoi 4x10m (giây)	11.06	1.30	≤ 11.75
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	957.0	138.68	≥ 950
Nữ (n=272)				
1	Nằm ngửa gập bụng (số lần/30 giây)	16.57	4.61	≥ 16
2	Bật xa tại chỗ (cm)	161.3	19.0	≥ 153
3	Chạy con thoi 4x10m (giây)	12.62	1.62	≤ 13.0
4	Chạy tùy sức 5 phút (m)	871.9	159.5	≥ 870

Bảng 4. Thực trạng phân loại thể lực SV Khối sư phạm Trường ĐHTB theo Chuẩn thể lực QĐ 53/2008/BGDĐT (n=338)

Giới tính	Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Nam (n = 66)	Tốt	10	15.16
	Đạt	42	63.64
	Chưa đạt	14	21.20
Nữ (n =272)	Tốt	43	12.50
	Đạt	178	65.45
	Chưa đạt	51	22.05
Chung nam nữ	Tốt	53	15,68
	Đạt	220	65.09
	Chưa đạt	65	19.23

(62.54%) đạt trung bình; 42/338 SV (12.43%) đạt yếu.

- Thực trạng phân loại thể lực của SV khối sư phạm ở cả nam và nữ cho thấy: Đa số SV ở mức đạt (trên 70%) ở từng chỉ test riêng lẻ. Đối với phân loại toàn diện: Ở SV nam 10SV (15.16%) đạt tốt; 42SV (63.64%) mức đạt; 14SV (21.20%). Ở SV nữ 43SV (12.5%) đạt tốt; 178SV (65.45%) mức đạt; 51 SV (22.05%). Như vậy thực trạng phát triển các tố chất thể lực của SV khối sư phạm Trường ĐHTB ở cả nam và nữ cơ bản đạt chuẩn. Tuy nhiên sức mạnh và sức bền còn hạn chế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực HSSV.
2. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TĐTT.

3. Phùng Xuân Dũng (2017), *Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động TĐTT ngoại khóa cho SV Trường đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường đại học TĐTT Bắc Ninh.

4. Hoàng Hà (2016), *Nghiên cứu giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác GDTC các trường thành viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ KHGD, Viện Khoa học TĐTT, Hà Nội.

5. Hà Đình Lâm (1998), *Giáo trình trò chơi*, Nxb TĐTT Hà Nội.

Nguồn bài báo: Bài báo được trích luận án Tiến sĩ, tên luận án “Nghiên cứu phát triển trò chơi vận động dân gian và thể thao dân tộc cho SV khối sư phạm trường ĐHTB”, đề tài dự kiến nghiệm thu năm 2022.

Ngày nhận bài: 12/2/2021; **Ngày duyệt đăng:** 17/3/2022